

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ chỉ số giám sát của Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Tuyên Quang phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến và dựa trên dữ liệu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản số 1709/BKHCN-CĐSQG ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn triển khai Mô hình Trung tâm giám sát, điều hành thông minh cấp tỉnh; Văn bản số 3640/BKHCN-CĐSQG ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc triển khai Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) bảo đảm kết nối liên thông, khai thác hiệu quả thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác dữ liệu dùng chung của Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 2443/TTr-VP ngày 24 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chỉ số giám sát của Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Tuyên Quang phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến và dựa trên dữ liệu, gồm các nhóm chỉ số:

- Nhóm chỉ số Kinh tế - Xã hội.
- Nhóm chỉ số ngành, lĩnh vực.
- Nhóm chỉ số theo chuyên đề.

(có Phụ lục Bộ chỉ số kèm theo)

Điều 2. Nguyên tắc quản lý, cập nhật, khai thác Bộ chỉ số

1. Bộ chỉ số giám sát của Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Tuyên Quang là căn cứ để tổng hợp, theo dõi, phân tích, cảnh báo, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

2. Dữ liệu phục vụ Bộ chỉ số phải được quản lý, cập nhật theo nguyên tắc **“đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”**; ưu tiên khai thác, kết nối, chia sẻ tự động từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung; việc cập nhật thủ công chỉ thực hiện trong giai đoạn chuyển tiếp khi chưa có điều kiện kết nối tự động.

3. Mỗi chỉ số giám sát phải xác định rõ: Tên chỉ số; nội dung phản ánh; công thức tính hoặc phương pháp xác định; đơn vị tính; nguồn dữ liệu; cơ quan chủ trì nghiệp vụ; cơ quan cung cấp dữ liệu; tần suất cập nhật; thời hạn cập nhật; mức độ chia sẻ, khai thác; yêu cầu bảo mật, an toàn thông tin và trách nhiệm giải trình khi dữ liệu sai lệch.

4. Cơ quan chủ quản dữ liệu chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời, hợp pháp của dữ liệu do cơ quan, đơn vị mình cung cấp; đồng thời phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ trong quá trình kết nối, tích hợp, khai thác dữ liệu trên Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Tuyên Quang.

5. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu từ Bộ chỉ số phải tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định có liên quan.

6. Dữ liệu của Bộ chỉ số được ưu tiên khai thác tự động từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin dùng chung và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh; hạn chế tối đa việc nhập liệu thủ công.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung Bộ chỉ số giám sát của Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Tuyên Quang phù hợp yêu cầu chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tình hình thực tiễn của tỉnh.

b) Chủ trì xác định yêu cầu nghiệp vụ, kịch bản điều hành, mẫu biểu hiển thị, dashboard, báo cáo phân tích, cảnh báo phục vụ lãnh đạo tỉnh; điều phối các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường cung cấp, cập nhật dữ liệu theo Bộ chỉ số.

c) Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương cập nhật dữ liệu; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung Bộ chỉ số khi cần thiết.

d) Chủ trì khai thác kết quả phân tích, giám sát từ Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Tuyên Quang phục vụ các cuộc họp giao ban, họp chuyên đề, báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất và các yêu cầu chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật về chuẩn kết nối, chia sẻ dữ liệu, cấu trúc dữ liệu trao đổi, API, tích hợp dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh, nhóm chỉ tiêu bảo đảm khả năng kết nối, liên thông dữ liệu phục vụ Bộ chỉ số.

b) Quản trị, vận hành hạ tầng kỹ thuật, kho dữ liệu dùng chung, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu và các thành phần kỹ thuật của Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Tuyên Quang theo chức năng, nhiệm vụ được giao; bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, an toàn, liên tục.

c) Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan chủ quản dữ liệu xây dựng các datamart, dashboard kỹ thuật, cơ chế đồng bộ, kiểm tra, đối soát dữ liệu phục vụ hiển thị, phân tích chỉ số trên Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Tuyên Quang.

d) Hướng dẫn kỹ thuật trong phạm vi hệ thống, hạ tầng, nền tảng do Sở quản lý, vận hành; phối hợp với Công an tỉnh trong bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu, bảo vệ bí mật nhà nước.

đ) Không chịu trách nhiệm thay cơ quan chủ quản dữ liệu về tính chính xác của số liệu, nội dung nghiệp vụ, công thức chuyên ngành và kết quả giải trình số liệu thuộc ngành, lĩnh vực do cơ quan khác quản lý.

3. Các sở, ban, ngành; cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh

a) Chủ trì rà soát, xác định, chuẩn hóa, cung cấp, cập nhật dữ liệu đối với các chỉ số thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của dữ liệu.

b) Phân công đầu mối nghiệp vụ và đầu mối kỹ thuật phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ trong quá trình cập nhật, kết nối, chia sẻ, đối soát, khai thác dữ liệu.

c) Chủ trì đề xuất điều chỉnh, bổ sung, loại bỏ chỉ số thuộc ngành, lĩnh vực quản lý khi chỉ số không còn phù hợp, thiếu nguồn dữ liệu, trùng lặp hoặc chưa đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, điều hành.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Tổ chức cập nhật, cung cấp dữ liệu của xã, phường theo Bộ chỉ số và hướng dẫn của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực.

b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của dữ liệu phát sinh; phối hợp xử lý, giải trình các sai lệch dữ liệu khi có yêu cầu.

c) Khai thác Bộ chỉ số trên Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Tuyên Quang phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành tại địa phương theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

5. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu và bảo vệ bí mật nhà nước trong hoạt động của Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Tuyên Quang; chủ động phòng ngừa, rà soát, kịp thời phát hiện, đấu tranh, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định pháp luật.

6. Sở Tài chính

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp cung cấp, rà soát, đối soát các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội, tài chính, ngân sách, đầu tư, doanh nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ; phối hợp tham mưu bố trí kinh phí duy trì, vận hành, nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Tuyên Quang theo quy định.

7. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Báo và Phát thanh, Truyền hình Tuyên Quang, các cơ quan, đơn vị liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp cung cấp, kết nối, khai thác dữ liệu, tuyên truyền, phổ biến kết quả hoạt động của Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Tuyên Quang và Bộ chỉ số giám sát.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, thủ trưởng các cơ quan đơn vị ngành dọc trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Tuyên Quang;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, KH&CĐS

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đỗ Hùng Đức

Phụ lục
Bộ Chỉ số giám sát của Trung tâm giám sát, điều hành thông minh
tỉnh Tuyên Quang phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến và dựa trên dữ liệu
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ số chi tiết	Đơn vị tính	Phạm vi	Tần suất báo cáo	Nguồn thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
I	Nhóm chỉ số Kinh tế - Xã hội						
1	Nhóm chỉ tiêu về Kinh tế - Xã hội số, ngành, đơn vị						
1.1	Nhóm chỉ tiêu về Kinh tế						
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành	Tỷ đồng	Toàn tỉnh	Hàng quý, năm	Thống kê tỉnh	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
2	Tốc độ tăng tổng sản phẩm (GRDP) theo giá so sánh	%	Toàn tỉnh	Hàng quý, năm	Thống kê tỉnh	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
3	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đầu người (giá hiện hành)	Triệu đồng/người/năm	Toàn tỉnh	Hàng năm	Thống kê tỉnh	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
4	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	% GRDP	Toàn tỉnh	Hàng quý, năm	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
5	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	Toàn tỉnh	Hàng tháng, quý, năm	Sở Tài chính, Thuế tỉnh	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
6	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	Toàn tỉnh	Hàng tháng, quý, năm	Thống kê tỉnh	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
7	Năng suất lao động	Triệu đồng/lao động/năm	Toàn tỉnh	Hàng năm	Thống kê tỉnh	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
8	Duy trì ổn định tổng sản lượng lương thực có hạt	Vạn tấn	Toàn tỉnh	Hàng quý, năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	

9	Trồng rừng tập trung	Ha	Toàn tỉnh	Hàng quý, năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
10	Thu hút khách du lịch	Triệu lượt khách		Hàng tháng, quý, năm	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
1.2	Nhóm chỉ tiêu về Xã hội						
11	Chỉ số phát triển con người (HDI)		Toàn tỉnh	Hàng năm	Thống kê tỉnh	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
12	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học:		Toàn tỉnh	Hàng năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
12.1	<i>Mầm non</i>	%	Toàn tỉnh	Hàng năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
12.2	<i>Phổ thông</i>	%	Toàn tỉnh	Hàng năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
13	Tỷ lệ lao động qua đào tạo		Toàn tỉnh	Hàng năm	Sở Nội vụ		
13.1	<i>Tỷ lệ lao động qua đào tạo</i>	%	Toàn tỉnh	Hàng năm	Sở Nội vụ	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
13.2	<i>Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ</i>	%	Toàn tỉnh	Hàng năm	Thống kê tỉnh	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
14	Tỷ lệ xã, phường có thiết chế văn hóa – thể thao phù hợp, được quản lý, khai thác và phát huy hiệu quả	%	Toàn tỉnh	Hàng năm	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
15	Tỷ lệ thôn, tổ dân phố có Nhà văn hóa - Khu thể thao phục vụ sinh hoạt cộng đồng và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao quần chúng	%	Toàn tỉnh	Hàng năm	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
16	Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa	%	Toàn tỉnh	Hàng năm	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
17	Tỷ lệ số thôn, bản, tổ dân số đạt danh hiệu văn hóa	%	Toàn tỉnh	Hàng năm	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	

18	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%	Toàn tỉnh	Hàng năm	Liên đoàn lao động tỉnh	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
19	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (Chiều cao theo tuổi)	%	Toàn tỉnh	Hàng tháng, quý, năm	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
20	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí quốc gia y tế xã	%	Toàn tỉnh	Hàng năm	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
23	Số bác sĩ bình quân trên 1 vạn dân	Bác sĩ/vạn dân	Toàn tỉnh	Hàng quý, năm	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
24	Số giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường bệnh/vạn dân	Toàn tỉnh	Hàng quý, năm	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
25	Tỷ lệ hộ nghèo giảm theo chuẩn nghèo quốc gia	%	Toàn tỉnh	Hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
26	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội						
26.1	<i>Bắt buộc</i>	%	Toàn tỉnh	Hàng tháng, quý, năm	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
26.2	<i>Tự nguyện</i>	%	Toàn tỉnh	Hàng tháng, quý, năm	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
26.3	<i>Thất nghiệp</i>	%	Toàn tỉnh	Hàng tháng, quý, năm	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
27	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế so với dân số	%	Toàn tỉnh	Hàng tháng, quý, năm	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
28	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	%	Toàn tỉnh	Hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
1.3	Nhóm chỉ tiêu về Môi trường						
29	Tỷ lệ che phủ rừng	%	Toàn tỉnh	Hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	

30	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	Toàn tỉnh	Hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
31	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	Toàn tỉnh	Hàng tháng, quý, năm	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
32	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	Toàn tỉnh	Hàng tháng, quý, năm	Ban quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
2	Nhóm chỉ tiêu Kinh tế - Xã hội xã, phường						
1	Thu ngân sách trên địa bàn	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Hàng tháng, quý, năm	UBND các xã, phường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
2	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	Toàn tỉnh	Hàng tháng, quý, năm	UBND các xã, phường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
3	Trồng rừng tập trung		Toàn tỉnh	Hàng tháng, quý, năm	UBND các xã, phường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
3.1	<i>Tổng số</i>	Ha	Toàn tỉnh	Hàng tháng, quý, năm	UBND các xã, phường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
3.2	<i>Hộ gia đình, cá nhân</i>	Ha	Toàn tỉnh	Hàng tháng, quý, năm	UBND các xã, phường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
3.3	<i>Tổ chức, doanh nghiệp</i>	Ha	Toàn tỉnh	Hàng tháng, quý, năm	UBND các xã, phường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
4	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội	%	Toàn tỉnh	Hàng tháng, quý, năm	UBND các xã, phường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
5	Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa	%	Toàn tỉnh	Hàng năm	UBND các xã, phường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	

6	Tỷ lệ số thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa	%	Toàn tỉnh	Hàng năm	UBND các xã, phường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
7	Xã, phường có thiết chế văn hóa - thể thao phù hợp, được quản lý, khai thác và phát huy hiệu quả	Đạt/không Đạt	Toàn tỉnh	Hàng năm	UBND các xã, phường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
8	Tỷ lệ thôn, tổ dân phố có Nhà văn hóa - Khu thể thao phục vụ sinh hoạt cộng đồng và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao quần chúng	%	Toàn tỉnh	Hàng năm	UBND các xã, phường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
9	Tỷ lệ che phủ rừng	%	Toàn tỉnh	Hàng năm	UBND các xã, phường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
10	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	%	Toàn tỉnh	Hàng quý, năm	UBND các xã, phường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
3	Chỉ tiêu Kinh tế - Xã hội kết nối Hệ thống Báo cáo Chính phủ						
1	Thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Sở Tài chính	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
2	Chi cân đối ngân sách địa phương	Tỷ đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Sở Tài chính	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
3	Giải ngân vốn đầu tư công	Tỷ đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Sở Tài chính	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
4	Xuất khẩu	Triệu USD	Toàn tỉnh	Tháng	Sở Công Thương	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
5	Nhập khẩu	Triệu USD	Toàn tỉnh	Tháng	Sở Công Thương	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	

6	Đầu tư trong	Tỷ đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Sở Tài chính	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
7	Đầu tư nước ngoài	Triệu USD	Toàn tỉnh	Tháng	Sở Tài chính	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
8	Đăng ký doanh nghiệp	Tỷ đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Sở Tài chính	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
4	Chỉ số giám sát điều hành và đánh giá trong thực hiện TTHC, DVC tỉnh						
I	Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử (Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ)						
1	Xếp hạng Tỉnh/ Sở ban ngành/ Xã, phường		Toàn tỉnh	Tháng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Cổng dịch vụ công Quốc gia	
2	Điểm Chỉ số công khai, minh bạch		Toàn tỉnh	Tháng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Cổng dịch vụ công Quốc gia	

3	Điểm Chỉ số tiến độ giải quyết		Toàn tỉnh	Tháng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Cổng dịch vụ công Quốc gia	
4	Điểm Chỉ số Dịch vụ công trực tuyến		Toàn tỉnh	Tháng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Cổng dịch vụ công Quốc gia	
5	Điểm Chỉ số thanh toán trực tuyến		Toàn tỉnh	Tháng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Cổng dịch vụ công Quốc gia	
6	Điểm Chỉ số mức độ hài lòng		Toàn tỉnh	Tháng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Cổng dịch vụ công Quốc gia	
7	Điểm Chỉ số số hóa hồ sơ		Toàn tỉnh	Tháng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Cổng dịch vụ công Quốc gia	

8	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến (Toàn trình/Một phần)		Toàn tỉnh	Tháng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Cổng dịch vụ công Quốc gia	
9	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn		Toàn tỉnh	Tháng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Cổng dịch vụ công Quốc gia	
II	Giám sát dịch vụ công tổng quan						
1	Tổng số hồ sơ tiếp nhận (trực tuyến/trực tiếp, bưu điện)	Hồ sơ	Toàn tỉnh	Tháng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; Cổng Dịch vụ công quốc gia/ Cổng DVC Bộ công an đang xây dựng	
2	Tỷ lệ hồ sơ đang xử lý (trong hạn/quá hạn)	%	Toàn tỉnh	Tháng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; Cổng Dịch vụ công quốc gia/ Cổng DVC Bộ công an đang xây dựng	

3	Tỷ lệ hồ sơ đã xử lý (đúng hạn/quá hạn/trước hạn)	%	Toàn tỉnh	Tháng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; Cổng Dịch vụ công quốc gia/ Cổng DVC Bộ công an đang xây dựng	
4	Mức độ hài lòng của người dân/doanh nghiệp đối với việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	Hồ sơ	Toàn tỉnh	Tháng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; Cổng Dịch vụ công quốc gia/ Cổng DVC Bộ công an đang xây dựng	
III	Giám sát dịch vụ công theo đơn vị						
1	Thống kê số lượng hồ sơ thanh toán trực tuyến thành công/Tổng số hồ sơ được cấu hình có thanh toán trực tuyến đã tiếp nhận	Hồ sơ	Toàn tỉnh	Tháng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; Cổng Dịch vụ công quốc gia/ Cổng DVC Bộ công an đang xây dựng	
5	Chỉ số điều hành nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh						
1	Nhiệm vụ Trung ương giao Đã hoàn thành, Đang tiến hành, Sắp đến hạn, Hoàn thành, Quá hạn... và Nhiệm vụ thường xuyên)		Toàn tỉnh	Tháng	Văn phòng UBND tỉnh	Hệ thống theo dõi và thực hiện chỉ đạo theo Nghị quyết 57	

2	Nhiệm vụ UBND tỉnh giao cho Sở ngành (Hoàn thành, Đang tiến hành trong hạn, Đang tiến hành quá hạn, Nhiệm vụ thường xuyên)		Toàn tỉnh	Tháng	Văn phòng UBND tỉnh	Hệ thống theo dõi nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	
3	Nhiệm vụ UBND tỉnh giao cho xã, phường (Hoàn thành, Đang tiến hành trong hạn, Đang tiến hành quá hạn, Nhiệm vụ thường xuyên)		Toàn tỉnh	Tháng	Văn phòng UBND tỉnh	Hệ thống theo dõi nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	
II	Nhóm chỉ số ngành, lĩnh vực						
1	Chỉ số lĩnh vực Giáo dục						
I	Thông tin giám sát theo điều hành						
1	Quy mô học sinh các cấp học biến động như thế nào theo từng xã, phường và từng năm		Toàn tỉnh	Hàng năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
2	Số lượng huy động trẻ ra lớp tại các vùng khó khăn có đạt bao nhiêu?		Toàn tỉnh	Hàng năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
3	Tỷ lệ phòng học kiên cố, phòng học bộ môn đạt chuẩn tại từng địa phương	%	Toàn tỉnh	Hàng năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
4	Tỷ lệ học sinh bỏ học, lưu ban theo từng cấp học	%	Toàn tỉnh	Tháng, năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
5	Tiến độ thực hiện chỉ tiêu trường đạt chuẩn quốc gia		Toàn tỉnh	Hàng năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
II	Bộ chỉ số lõi điều hành						
1	Nhóm 1: Quy mô và tiếp cận giáo dục:		Toàn tỉnh	Tháng, năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	

-	Số lượng trẻ huy động đến trường theo từng cấp học						
2	Nhóm 2: Chất lượng giáo dục:		Toàn tỉnh	Học kỳ, năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
-	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình (%)	%					
-	Tỷ lệ học sinh bỏ học (%)	%					
3	Nhóm 3: Đội ngũ:		Toàn tỉnh	Hàng năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
-	Tỷ lệ giáo viên/lớp	%		Học kỳ			
-	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo và trên chuẩn trình độ đào tạo (%)	%					
4	Nhóm 4: Cơ sở vật chất:		Toàn tỉnh	Tháng, năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
-	Tỷ lệ phòng học kiên cố (%)	%					
-	Tỷ lệ phòng học bộ môn đạt chuẩn (%)	%					
2	Chỉ số lĩnh vực Quản lý quy hoạch Xây dựng						
I	Thông tin giám sát theo điều hành						
1	Giám sát, theo dõi và hỗ trợ điều hành trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên nền bản đồ số		Toàn tỉnh	Tháng, năm	Sở Xây dựng	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
2	Giám sát tiến độ thực hiện quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật đô thị trên nền bản đồ số		Toàn tỉnh	Tháng, năm	Sở Xây dựng	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	

II	Thông tin phản ánh của người dân						
3	Danh sách phản ánh vi phạm quy hoạch xây dựng của người dân.		Toàn tỉnh	Tháng, năm	Sở Xây dựng	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
4	Tỷ lệ xử lý phản ánh vi phạm quy hoạch xây dựng của người dân đúng hạn.	%	Toàn tỉnh	Tháng, năm	Sở Xây dựng	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
5	Đánh giá mức độ hài lòng xử lý phản ánh vi phạm quy hoạch xây dựng của người dân.	%	Toàn tỉnh	Tháng, năm	Sở Xây dựng	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
3	Chỉ số lĩnh vực Giao thông						
I	Thông tin giám sát lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông						
1	Thống kê chiều dài đường bộ (Phân tổ: cấp kỹ thuật, cấp quản lý, loại mặt đường)		Toàn tỉnh	Tháng, năm	Sở Xây dựng	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
2	Thống kê kết quả sửa chữa, duy tu các tuyến đường bộ (Khối lượng/số tiền)		Toàn tỉnh	Tháng, năm	Sở Xây dựng	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
3	Thống kê công tác xử lý điểm đen (số điểm đã xử lý/ điểm)		Toàn tỉnh	Tháng, năm	Sở Xây dựng	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
4	Thống kê tuyến luồng đường thủy nội địa địa phương quản lý		Toàn tỉnh	Tháng, năm	Sở Xây dựng	Nhập Hệ thống Báo cáo tỉnh	

5	Thống kê dữ liệu kết quả nạo vét, duy tu luồng đường thủy nội địa (Khối lượng/số tiền)		Toàn tỉnh	Tháng, năm	Sở Xây dựng	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
II	Thông tin phản ánh của người dân						
6	Danh sách phản ánh người dân về hư hỏng tài sản hạ tầng giao thông.		Toàn tỉnh	Tháng, năm	Sở Xây dựng	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
7	Tỷ lệ xử lý phản ánh người dân về hư hỏng tài sản hạ tầng giao thông đúng hạn		Toàn tỉnh	Tháng, năm	Sở Xây dựng	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
8	Đánh giá mức độ hài lòng xử lý phản ánh người dân về hư hỏng tài sản hạ tầng giao thông		Toàn tỉnh	Tháng, năm	Sở Xây dựng	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
4	Chỉ số lĩnh vực Đất đai						
1	Tổng diện tích đất tự nhiên		Toàn tỉnh	Hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
2	Cơ cấu diện tích theo loại đất.		Toàn tỉnh	Hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
3	Tỷ lệ diện tích đất đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (%).	%	Toàn tỉnh	Tháng, năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
4	Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng đất		Toàn tỉnh	Tháng, năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
5	Số lượng hồ sơ đăng ký biến động đất đai		Toàn tỉnh	Tháng, năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
6	Số giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất		Toàn tỉnh	Tháng, năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
7	Tổng số hồ sơ đất đai tiếp nhận		Toàn tỉnh	Tháng, năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	

8	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn (%)	%	Toàn tỉnh	Tháng, năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
9	Thời gian giải quyết trung bình mỗi thủ tục		Toàn tỉnh	Tháng, năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
10	Tổng diện tích đất Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê		Toàn tỉnh	Hàng quý, năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
11	Khu vực có tỷ lệ hồ sơ trễ hạn cao		Toàn tỉnh	Tháng, năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
12	Khu vực có tăng đột biến giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất		Toàn tỉnh	Tháng, năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
5	Chỉ số lĩnh vực Y tế						
I	Giám sát và phòng chống dịch bệnh						
1	Chỉ số về ca bệnh (dịch tễ cơ bản)						
	Số ca mắc mới (theo ngày/tuần)		Toàn tỉnh	Ngày/Tuần	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
	Tỷ lệ tổng số ca đang mắc tại một thời điểm	%	Toàn tỉnh	Ngày/Tuần	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
	Số ca hồi phục		Toàn tỉnh	Ngày/Tuần	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
2	Chỉ số xét nghiệm – phát hiện						
	Số lượng xét nghiệm thực hiện/ngày		Toàn tỉnh	Ngày/Tuần	Sở Y tế	Nhập Hệ thống Báo cáo tỉnh	
	Tỷ lệ phát hiện ca trong cộng đồng và ca đã cách ly	%	Toàn tỉnh	Ngày/Tuần	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
3	Chỉ số về hệ thống y tế						

	Số giường bệnh sử dụng/công suất		Toàn tỉnh	Ngày/Tuần	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
	Tỷ lệ sử dụng giường hồi sức	%	Toàn tỉnh	Ngày/Tuần	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
	Số ca nặng/nguy kịch		Toàn tỉnh	Ngày/Tuần	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
4	Chỉ số tiêm chủng (nếu có vaccine)						
	Tỷ lệ bao phủ vaccine (%)	%	Toàn tỉnh	Ngày/Tuần	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
	Tỷ lệ tiêm đủ liều	%	Toàn tỉnh	Ngày/Tuần	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
II	Giám sát quá tải bệnh viện và điều phối nguồn lực						
1	Chỉ số công suất giường bệnh						
	Tỷ lệ sử dụng giường bệnh (Số giường đang sử dụng / Tổng giường kế hoạch)	%	Toàn tỉnh	Ngày/Tuần	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
	Số giường trống còn lại	Giường	Toàn tỉnh	Ngày/Tuần	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
	Tỷ lệ sử dụng giường hồi sức tích cực (ICU)	%	Toàn tỉnh	Ngày/Tuần	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
2	Chỉ số bệnh nhân nặng – nguy kịch						
	Tỷ lệ bệnh nhân nặng (%)	%	Toàn tỉnh	Ngày/Tuần	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
	Số ca chuyển nặng mỗi ngày		Toàn tỉnh	Ngày/Tuần	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
	Tỷ lệ tử vong nội viện	%	Toàn tỉnh	Ngày/Tuần	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	

3	Chỉ số dòng bệnh nhân						
	Số ca nhập viện/ngày		Toàn tỉnh	Ngày/Tuần	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
	Số ca ra viện/ngày		Toàn tỉnh	Ngày/Tuần	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
	Thời gian nằm viện trung bình		Toàn tỉnh	Ngày/Tuần	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
	Số ca chuyển viện		Toàn tỉnh	Ngày/Tuần	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
4	Chỉ số nhân lực y tế						
	Tỷ lệ nhân viên y tế/giường bệnh	%	Toàn tỉnh	Ngày/Tuần	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
	Số kíp trực/ngày		Toàn tỉnh	Ngày/Tuần	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
5	Chỉ số trang thiết bị – vật tư						
	Tồn kho thuốc thiết yếu		Toàn tỉnh	Ngày/Tuần	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
6	Chỉ số điều phối – phân tầng điều trị						
	Tỷ lệ bệnh nhân đúng tuyến điều trị	%	Toàn tỉnh	Ngày/Tuần	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
	Thời gian chờ nhập viện		Toàn tỉnh	Ngày/Tuần	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
6	Chỉ số lĩnh vực Du lịch						
1	Tổng lượt khách du lịch (nội địa/quốc tế)	Khách	Toàn tỉnh	Tháng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	

2	Doanh thu du lịch		Toàn tỉnh	Tháng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
3	Công suất phòng khách sạn		Toàn tỉnh	Tháng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
4	Số cơ sở lưu trú đang hoạt động		Toàn tỉnh	Tháng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
5	Lượng khách theo khu vực/điểm du lịch	Khách	Toàn tỉnh	Tháng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
6	Thời gian lưu trú trung bình		Toàn tỉnh	Tháng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Công an tỉnh	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
7	Chỉ số điều hành lĩnh vực Thông tin truyền thông						
1	Thống kê số lượng nội dung có đề cập		Toàn tỉnh	Tháng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
2	Thống kê tổng quan về sắc thái		Toàn tỉnh	Tháng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
3	Thống kê top nguồn tin có tương tác cao		Toàn tỉnh	Tháng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
4	Thống kê theo số bài báo, tin tức		Toàn tỉnh	Tháng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
5	Thống kê theo nội dung trên diễn đàn, website		Toàn tỉnh	Tháng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
8	Chỉ số điều hành lĩnh vực Doanh nghiệp						
1	Danh sách doanh nghiệp hoạt động theo lĩnh vực (Doanh nghiệp, Hộ kinh doanh, HTX)						

1.1	Danh sách doanh nghiệp đang hoạt động		Toàn tỉnh	Tháng	Sở Tài chính	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
1.2	Danh sách Hộ kinh doanh, hợp tác xã đang hoạt động		Toàn tỉnh	Tháng	UBND các xã, phường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
2	Danh sách doanh nghiệp nộp thuế, giải thể, mới thành lập						
2.1	Danh sách các doanh nghiệp nộp thuế		Toàn tỉnh	Tháng	Thuế tỉnh	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
2.2	Danh sách doanh nghiệp giải thể trong kỳ		Toàn tỉnh	Tháng	Sở Tài chính	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
2.3	Tổng số doanh nghiệp mới thành lập trong kỳ.		Toàn tỉnh	Tháng	Sở Tài chính	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
2.4	Tổng thuế nộp của doanh nghiệp theo kỳ		Toàn tỉnh	Tháng	Thuế tỉnh	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
III	Nhóm chỉ số theo chuyên đề						
1	Chỉ số điều hành lĩnh vực An sinh xã hội						
I	Bảo trợ xã hội - giảm nghèo						
1	Số người được hỗ trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng	Số người	Toàn tỉnh	Tháng	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
2	Số người được hỗ trợ xã hội đột xuất	Số người	Toàn tỉnh	Tháng	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
3	Số hộ, số nhân khẩu thiếu đói	Số hộ	Toàn tỉnh	Tháng	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	

4	Số người được nuôi dưỡng tập trung trong cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	Số người	Toàn tỉnh	Tháng	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
5	Số cơ sở bảo trợ xã hội		Toàn tỉnh	Tháng	Sở Y tế	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
6	Số hộ nghèo, cận nghèo, thoát nghèo	Số hộ	Toàn tỉnh	Tháng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
II	Người có công						
1	Số lượt người được hưởng trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng trong kỳ báo cáo	Lượt người	Toàn tỉnh	Tháng	Sở Nội vụ	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
2	Số lượt người được hưởng trợ cấp ưu đãi người có công một lần trong kỳ báo cáo	Lượt người	Toàn tỉnh	Tháng	Sở Nội vụ	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
3	Hỗ trợ người có công trong kỳ báo cáo	Số hộ	Toàn tỉnh	Tháng	Sở Nội vụ	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
4	Tổng quỹ đền ơn đáp nghĩa		Toàn tỉnh	Hàng năm	Sở Nội vụ	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
III	Lao động việc làm						
1	Nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp, số lượng tuyển dụng của doanh nghiệp qua tổ chức dịch vụ việc làm công		Toàn tỉnh	Tháng	Sở Nội vụ	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
2	Chỉ số giám sát điều hành lĩnh vực OCOP						
1	Tổng số sản phẩm OCOP	Sản phẩm	Toàn tỉnh	Hàng quý, năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	

2	Số sản phẩm theo hạng sao (3–5 sao)	Sản phẩm	Toàn tỉnh	Hàng quý, năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
3	Số chủ thể tham gia	Chủ thể	Toàn tỉnh	Hàng quý, năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
4	Số sản phẩm theo ngành (thực phẩm, thủ công...)	Sản phẩm	Toàn tỉnh	Hàng quý, năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
5	Phân bố sản phẩm theo địa phương	Sản phẩm	Toàn tỉnh	Hàng quý, năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
6	Sản phẩm mới/sản phẩm hết hạn chứng nhận	Sản phẩm	Toàn tỉnh	Hàng quý, năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
3	Chỉ số giám sát điều hành tương tác với người dân, doanh nghiệp						
I	Phản ánh của người dân, doanh nghiệp						
1	Giám sát tình hình xử lý phản ánh, góp ý của người dân, doanh nghiệp: Đã xử lý: đúng hạn, trễ hạn; Chưa xử lý: Trong hạn, Trễ hạn, chưa tiếp nhận		Toàn tỉnh	Tháng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; các sở, ngành; UBND các xã, phường; cơ quan được giao xử lý phản ánh	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	

2	Giám sát kết quả đánh giá của người dân, doanh nghiệp		Toàn tỉnh	Tháng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; các sở, ngành; UBND các xã, phường; cơ quan được giao xử lý phản ánh	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
II	Đơn thư khiếu nại tố cáo của người dân, doanh nghiệp						
1	Giám sát tình hình xử lý khiếu nại của người dân, doanh nghiệp: Đã xử lý: đúng hạn, trễ hạn; Chưa xử lý: Trong hạn, Trễ hạn, chưa tiếp nhận		Toàn tỉnh	Tháng	Văn phòng UBND tỉnh	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	
2	Giám sát kết quả đánh giá của người dân, doanh nghiệp		Toàn tỉnh	Tháng	Văn phòng UBND tỉnh	Nhập Hệ thống báo cáo tỉnh	